

Số: 454/KH-UBND

Long Biên, ngày 25 tháng 12 năm 2020

KẾ HOẠCH

Tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2020

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 14/2017/QĐ-UBND ngày 13/4/2017 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về phân cấp quản lý tổ chức, bộ máy công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội;

Thực hiện Quyết định số 5444/QĐ-UBND ngày 04/12/2020 của UBND quận Long Biên về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận, huyện, thị xã của thành phố Hà Nội năm 2020; Hướng dẫn số 3711/SNV-CCVC ngày 22/12/2020 của Sở Nội vụ thành phố Hà Nội về việc hướng dẫn tổ chức tuyển dụng viên chức giáo dục thuộc UBND quận, huyện, thị xã năm 2020,

UBND quận Long Biên ban hành Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2020 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyển dụng bổ sung viên chức làm công tác giảng dạy và viên chức phục vụ giảng dạy tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận đúng vị trí việc làm, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đúng cơ cấu, góp phần xây dựng đội ngũ viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của quận.

2. Yêu cầu

Việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục đảm bảo công khai, khách quan, dân chủ, công bằng và đúng quy định của pháp luật.



II. ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG

1. Điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự tuyển

1.1. Điều kiện chung

- Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- Tuổi đời từ đủ 18 tuổi trở lên;
- Có phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định, có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển;
- Có đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ.

1.2. Điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh nghề nghiệp tuyển dụng

(Có phụ lục kèm theo)

1.3. Những người không được đăng ký dự tuyển

- Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

2. Chỉ tiêu tuyển dụng

Tổng chỉ tiêu tuyển dụng quận Long Biên: 304

- Khối mầm non: 135 (giáo viên)
- Khối tiểu học: 78 (giáo viên: 71, nhân viên thư viện: 04; nhân viên văn thư: 03)
- + Khối THCS: 102 (giáo viên: 91, nhân viên thư viện: 06; nhân viên văn thư: 05)

(Có biểu cụ thể kèm theo)

III. ƯU TIÊN TRONG TUYỂN DỤNG

1. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

- Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;
- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã

đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

2. Trường hợp người dự tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm vòng 2.

IV. PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN, LỆ PHÍ DỰ TUYỂN, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM TIẾP NHẬN PHIẾU

1. Phiếu đăng ký dự tuyển

1.1. Người đăng ký dự tuyển viên chức trực tiếp nộp 01 Phiếu đăng ký dự tuyển (theo mẫu) vào một vị trí việc làm tại một trường có chỉ tiêu tuyển dụng trong toàn thành phố (*nếu đăng ký dự tuyển vào 2 vị trí trở lên sẽ bị loại khỏi danh sách dự thi*).

- Người đăng ký dự tuyển viên chức phải khai đầy đủ các nội dung yêu cầu trong Phiếu đăng ký dự tuyển tính đến thời điểm nộp phiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai trong phiếu. Các nội dung khai trong phiếu phải đầy đủ, chính xác từ các giấy tờ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp tính đến trước thời điểm chốt nộp phiếu đăng ký dự tuyển.

- Người đăng ký dự tuyển phải trực tiếp nộp phiếu đăng ký dự tuyển (khi nộp xuất trình CMND hoặc các giấy tờ chứng minh), nếu nộp hộ phải xuất trình thêm giấy ủy quyền có xác nhận của UBND cấp xã.

- Người đăng ký dự tuyển không được đổi nguyện vọng sau khi nộp phiếu. Các phiếu điền không đầy đủ thông tin bắt buộc trong phiếu được coi là phiếu không hợp lệ và không đủ điều kiện dự tuyển.

- Mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của quận Long Biên (<http://longbien.hanoi.gov.vn>) hoặc Cổng thông tin điện tử của Sở Nội vụ Hà Nội (<http://sonoivu.hanoi.gov.vn>).

1.2. Sau khi có thông báo công nhận kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng viên chức để xuất trình bản chính các văn bằng, chứng chỉ, kết quả học tập, đối tượng ưu tiên (nếu có)... theo yêu cầu của vị trí tuyển dụng để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định.

1.3. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc cơ quan

có thẩm quyền tuyển dụng phát hiện người trúng tuyển sử dụng văn bằng, chứng chỉ không đúng quy định thì sẽ bị hủy kết quả trúng tuyển.

2. Lệ phí dự tuyển:

Thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển kèm lệ phí 400.000 đồng/thí sinh.

Lệ phí tuyển dụng thực hiện theo Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3. Thời gian tiếp nhận phiếu

Từ ngày 28/12/2020 đến 17 giờ ngày 26/01/2021 trừ các ngày thứ 7, chủ nhật trong tuần và ngày lễ (Buổi sáng từ 08h00' đến 11h30'; Buổi chiều từ 13h30' đến 17h00')

4. Địa chỉ tiếp nhận phiếu:

Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC quận Long Biên
(Số 3 phố Vạn Hạnh, Khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội)

V. HÌNH THỨC, NỘI DUNG TUYỂN DỤNG, XÁC ĐỊNH NGƯỜI TRÚNG TUYỂN

1. Hình thức tuyển dụng:

Thi tuyển 02 vòng theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính Phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Nội dung tuyển dụng:

- **Vòng 1:** Thi kiểm tra kiến thức chung (*Sau khi kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 1*)

+ Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính.

+ Nội dung thi gồm 2 phần, thời gian thi như sau:

Phần I: Kiến thức chung, 60 câu hỏi hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực tuyển dụng. Thời gian thi 60 phút;

Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc. Thời gian thi 30 phút;

Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi, nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

- **Vòng 2:** Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

+ Hình thức thi: Thi viết.

+ Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

+ Thời gian thi: 180 phút (không kể thời gian chép đề)

+ Thang điểm: 100 điểm.

Việc tổ chức thi viết vòng 2 thực hiện theo Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ.

3. Xác định người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức

a) Người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng phải có đủ các điều kiện sau:

- Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định và đúng theo Phiếu đăng ký dự tuyển. Trường hợp các văn bản, chứng chỉ và thông tin cung cấp không khớp với Phiếu đăng ký dự tuyển, cơ quan tuyển dụng có quyền hủy bỏ kết quả trúng tuyển của thí sinh.

- Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển;

c) Nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch UBND quận quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Người có trình độ chuyên môn đăng ký dự tuyển cao hơn;

- Xếp loại tốt nghiệp cao hơn;

- Có điểm học tập trung bình toàn khóa cao hơn;

- Có thời gian công tác có đóng BHXH bắt buộc đúng vị trí việc làm nhiều hơn;

- Người dự tuyển là nữ;

- Người có tuổi đời cao hơn.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức không được bảo lưu kết quả cho các kỳ tuyển dụng lần sau.

VI. KINH PHÍ TUYỂN DỤNG

Kinh phí chi hoạt động xây dựng nội dung ôn tập cho tuyển dụng, xây dựng ngân hàng đề thi và tổ chức thi của Hội đồng tuyển dụng, các Ban, tổ giúp việc

của Hội đồng và các nội dung khác có liên quan đến kỳ tuyển dụng được chi từ lệ phí dự thi và nguồn ngân sách thành phố giao cho UBND quận tại Quyết định số 6999/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của UBND thành phố Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2020 của thành phố Hà Nội.

Mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 10/2019/NQ-HĐND ngày 04/12/2019 của HĐND thành phố Hà Nội về việc quy định một số nội dung, mức chi thuộc thẩm quyền của UBND thành phố.

VII. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

(Có biểu chi tiết kèm theo)

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nội vụ

- Tham mưu UBND quận xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2020;

- Thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng, chỉ tiêu tuyển dụng và nội dung ôn tập trên các phương tiện thông tin đại chúng, tại nơi tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển;

- Thực hiện chuyên môn nghiệp vụ tổ chức tuyển dụng viên chức;

- Tổ chức kiểm tra đối chiếu hồ sơ của người trúng tuyển; Phối hợp Công an quận, thành phố xác minh những trường hợp có dấu hiệu sử dụng bằng cấp, giấy tờ giả; tham mưu xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

- Tổng hợp, đề nghị Chủ tịch UBND quận phê duyệt kết quả tuyển dụng; Tham mưu quyết định tuyển dụng, đề nghị Sở Nội vụ xếp lương và hướng dẫn Hiệu trưởng các trường ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định;

- Báo cáo theo yêu cầu và báo cáo kết quả tuyển dụng về UBND Thành phố qua Sở Nội vụ;

- Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về tuyển dụng viên chức theo thẩm quyền.

2. Phòng Giáo dục & Đào tạo

Phối hợp với phòng Nội vụ hướng dẫn nội dung ôn tập, tổ chức ôn tập (nếu có), thực hiện chuyên môn nghiệp vụ tổ chức tuyển dụng viên chức theo quy định.

3. Thanh tra Quận

Phối hợp với phòng Nội vụ, Công an quận thành lập Ban giám sát để giám sát toàn bộ quá trình tổ chức tuyển dụng viên chức giáo dục Quận theo quy định.

4. Công an Quận

Cử cán bộ, chiến sỹ tham gia đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn tại các địa điểm làm việc của Hội đồng tuyển dụng trong suốt kỳ tuyển dụng;

Bố trí phương tiện nhận đề, bảo vệ đề thi, bài thi tại các địa điểm tổ chức tuyển dụng.

5. Trung tâm y tế quận

Cử bác sỹ tham gia trực tại các địa điểm tổ chức tuyển dụng đảm bảo sức khỏe cho Hội đồng tuyển dụng và thí sinh dự tuyển.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch, phụ trách kế toán phòng Nội vụ

Phối hợp với phòng Nội vụ xây dựng dự toán tuyển dụng viên chức, hướng dẫn quyết toán kinh phí phục vụ kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục theo quy định.

7. Điện lực Long Biên

Có kế hoạch đảm bảo cung cấp điện tại địa điểm thi tuyển trong những ngày tuyển dụng

8. Văn phòng HĐND&UBND

- Bố trí địa điểm để Tổ thư ký thực hiện tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của thí sinh kể từ ngày 28/12/2020 đến 17 giờ ngày 26/01/2021.

- Cử cán bộ Công nghệ thông tin phối hợp tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng theo yêu cầu.

- Niêm yết công khai Kế hoạch và chỉ tiêu tuyển dụng tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC quận.

9. UBND các phường, các đơn vị trường học

- Niêm yết công khai Kế hoạch và chỉ tiêu tuyển dụng.

- Phối hợp với Hội đồng tuyển dụng chuẩn bị cơ sở vật chất và các điều kiện theo yêu cầu (nếu có).

Trong quá trình tổ chức thực hiện nêu phát sinh vướng mắc, đề các đơn vị, cá nhân phản ánh kịp thời về UBND Quận qua phòng Nội vụ./. ~~TB~~

Nơi nhận:

- TTQU, HĐND, UBND;
- Các phòng, ban, đơn vị có liên quan;
- UBND các phường;
- Các đơn vị trường học;
- Lưu: VT, NV (08).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Mạnh Hà

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Kế hoạch tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2020

(Kèm theo Kế hoạch số 454 /KH-UBND ngày 25/12/2020
của UBND quận Long Biên)

STT	Thời gian	Nội dung công việc	Thực hiện
1	Trước ngày 28/12/2020	<ul style="list-style-type: none">- Thông báo công khai chỉ tiêu tuyển dụng, thời gian, địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển;- Xây dựng và công khai Kế hoạch tuyển dụng;- Thành lập Ban giám sát, Hội đồng tuyển dụng, Tổ thư ký để tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển.- Đăng ký hình thức thi tuyển vòng 2 với Sở Nội vụ	Phòng Nội vụ
2	Từ ngày 28/12/2020 đến 26/01/2021	<ul style="list-style-type: none">- Tổ chức tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển, lệ phí dự tuyển;- Thành lập các Ban giúp việc cho Hội đồng tuyển dụng.	Tổ thư ký; Phòng Nội vụ
3	Từ ngày 27/01/2021 đến 07/02/2021	<ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra, xét duyệt, lập danh sách người đủ điều kiện dự thi viên chức (theo mẫu 2) gửi Sở Nội vụ;- Thông báo công khai danh sách người đủ điều kiện dự thi, người không đủ điều kiện dự thi. Sửa chữa sai sót (nếu có).	Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển - HĐTD
4	Trước 17 giờ ngày 08/02/2021	Gửi danh sách người đủ điều kiện dự thi về Sở Nội vụ để tổng hợp dữ liệu toàn thành phố	Phòng Nội vụ
	Trước ngày 22/02/2021	<ul style="list-style-type: none">- Công bố tài liệu ôn tập vòng 1, vòng 2, hướng dẫn thi trắc nghiệm trên máy vi tính theo nội dung của BCD thành phố;- Thành lập ban đề thi, tổ in sao đề thi	HĐTD
	Từ ngày 22/02/2021 đến 02/3/2021	<ul style="list-style-type: none">- Tập huấn cách thức xây dựng, bảo quản đề, đáp án thi viết vòng 2 theo nội dung của BCD thành phố.- Xây dựng, chuẩn bị đề thi, đáp án cho thi vòng 2- Thông báo thời gian tổ chức thi các môn trắc nghiệm vòng 1, số lượng phòng thi, danh sách, số báo danh, sơ đồ điểm thi- Thành lập Ban coi thi vòng 1	HĐTD, các đơn vị liên quan

	Ngày 03/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Họp Ban coi thi, phân công nhiệm vụ coi thi vòng 1 - Tổ chức khai mạc, phổ biến nội quy, quy chế thi vòng 1 	HĐTD, Ban giám sát, Ban coi thi, thí sinh
	Từ ngày 04/3/2021 đến 12/3/2021	- Tổ chức thi trắc nghiệm Ngoại ngữ và Kiến thức chung (theo lịch của trung tâm Đào tạo CNTT và truyền thông)	HĐTD, Ban coi thi, Ban giám sát, thí sinh
	Từ 13/3/2021 đến 16/3/2021	<p>Lập danh sách, thông báo và niêm yết công khai danh sách thí sinh đủ điều kiện thi vòng 2 (giữ nguyên SBD tại vòng 1)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành đề, đáp án thi viết - Chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực để tổ chức thi viết vòng 2; - Thành lập Ban coi thi vòng 2. 	HĐTD, các đơn vị liên quan
	Ngày 19/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Họp chuẩn bị công tác coi thi, nhận và bảo quản đề, đáp án thi viết. - Tập trung thí sinh, phổ biến quy chế thi vòng 2 và chi tiết lịch thi; - Thành lập Ban phách, Ban chấm thi. 	HĐTD, Ban giám sát, Ban coi thi, các thí sinh dự thi vòng 2
	07h30' ngày 20/3/2021	Tổ chức thi viết môn nghiệp vụ chuyên ngành	HĐTD, Ban giám sát, các Ban, tổ giúp việc, thí sinh
	Từ ngày 21/3/2021 đến 25/3/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức làm phách bài thi; - Chấm thi; - Công bố điểm bài thi viết. 	HĐTD, Ban giám sát, Ban phách, Ban chấm thi
	Từ ngày 26/3/2021 đến 09/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận đơn phúc khảo; - Thành lập ban chấm phúc khảo. 	HĐTD
	Từ ngày 10/4/2021 đến 13/4/2021	<ul style="list-style-type: none"> - Làm phách phúc khảo; - Chấm phúc khảo; 	HĐTD, Ban giám sát, Ban

		- Công bố kết quả chấm phúc khảo.	chấm phúc khảo
	Từ ngày 14/4/2021 đến 20/4/2021	- Tổng hợp, rà soát kết quả thi và đề nghị Chủ tịch UBND quận quyết định công nhận kết quả tuyển dụng; - Thông báo kết quả tuyển dụng.	Hội đồng xét tuyển; Chủ tịch UBND quận
	Từ 21/4/2021 đến 30/5/2021	- Hoàn thiện hồ sơ của các thí sinh trúng tuyển; - Ban hành Quyết định tuyển dụng; - Hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng làm việc với người trúng tuyển; tập hợp văn bản, lưu trữ hồ sơ tuyển dụng.	Chủ tịch UBND quận; Phòng Nội vụ; Các thí sinh trúng tuyển và các trường.

ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÁC CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC

I. Chức danh giáo viên mầm non hạng IV (mã số V.07.02.06)

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm mầm non trở lên;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật, các quy định và yêu cầu của Đảng, Nhà nước, ngành và địa phương về giáo dục mầm non;

b) Thực hiện đúng chương trình giáo dục mầm non;

c) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ;

d) Biết quản lý, sử dụng, bảo quản và giữ gìn có hiệu quả tài sản cơ sở vật chất, thiết bị của nhóm/lớp, trường.

II. Chức danh giáo viên tiểu học hạng IV (mã số V.07.03.09)

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm tiểu học hoặc đại học sư phạm các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên. Trường hợp không có bằng đại học thuộc ngành đào tạo giáo viên thì phải có bằng đại học chuyên ngành phù hợp và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên tiểu học.

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm

2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục tiểu học;

b) Thực hiện được kế hoạch, chương trình giáo dục tiểu học;

c) Vận dụng được kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh tiểu học;

d) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục cho học sinh tiểu học;

đ) Vận dụng được đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới tổ chức lớp học, tổ chức hoạt động dạy học ở trường tiểu học;

e) Biết viết sáng kiến kinh nghiệm hoặc nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng; biết áp dụng các sáng kiến kinh nghiệm, kết quả nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giảng dạy, giáo dục học sinh tiểu học.

III. Chức danh giáo viên THCS hạng III (mã số V.07.04.12)

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm trở lên hoặc đại học các chuyên ngành phù hợp với bộ môn giảng dạy trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm đối với giáo viên trung học cơ sở.

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

Đối với giáo viên dạy ngoại ngữ thì trình độ ngoại ngữ thứ hai phải đạt bậc 1 theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng, Nhà nước, quy định và yêu cầu của ngành, địa phương về giáo dục trung học cơ sở;

- b) Thực hiện được chương trình, kế hoạch giáo dục trung học cơ sở;
- c) Biết vận dụng những kiến thức về giáo dục học và tâm sinh lý lứa tuổi vào thực tiễn giáo dục học sinh trung học cơ sở;
- d) Biết vận dụng những kiến thức về kinh tế, văn hóa, xã hội trong tư vấn hướng nghiệp học sinh trung học cơ sở;
- đ) Biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ học sinh và cộng đồng để nâng cao hiệu quả giáo dục học sinh trung học cơ sở;
- e) Có khả năng vận dụng hoặc viết sáng kiến kinh nghiệm, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng;
- g) Có khả năng hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

IV. Chức danh Thư viện viên hạng IV (mã số V.10.02.07)

1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng về chuyên ngành thư viện hoặc chuyên ngành khác có liên quan. Nếu tốt nghiệp trung cấp hoặc cao đẳng chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thư viện do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 1 (A1) theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

2. Tiêu chuẩn về năng lực, chuyên môn nghiệp vụ:

a) Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác thư viện;

b) Nắm được các kiến thức cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ thư viện;

c) Biết được các ứng dụng của công nghệ thông tin vào hoạt động thư viện và các kỹ năng tin học khác trong hoạt động chuyên môn được phân công.

V. Chức danh Văn thư trung cấp (mã số 02.008)

1. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Nắm được đường lối, chủ trương của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước và những quy định của Nhà nước về công tác văn thư; bảo vệ bí mật Nhà nước;

b) Nắm được các kiến thức cơ bản của công tác văn thư;

c) Thực hiện tốt các công việc của công tác văn thư;

d) Sử dụng được các thiết bị văn phòng và các trang thiết bị khác phục vụ yêu cầu nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành văn thư lưu trữ, nếu tốt nghiệp chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ bồi dưỡng bổ sung kiến thức nghiệp vụ văn thư;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngành văn thư trung cấp;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ bậc 1 (hoặc tương đương) khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

VI. Việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học

Việc công nhận trình độ ngoại ngữ, tin học tương đương thực hiện theo hướng dẫn số 4645/SGD&ĐT-GDĐT-CN ngày 14/12/2016 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội, cụ thể:

1. Chứng chỉ ngoại ngữ:

- Đối với chứng chỉ Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C ban hành theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT ngày 30/01/1993 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và A1, A2, B1, B2, C1, C2 ban hành theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo trước đây được tạm thời quy đổi theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam ban hành theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (khung 6 bậc) như sau:

+ Trình độ A theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ A1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 1 của khung 6 bậc;

+ Trình độ B theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ A2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 2 của khung 6 bậc;

+ Trình độ C theo Quyết định số 177/QĐ-TCBT và trình độ B1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 3 của khung 6 bậc;

+ Trình độ B2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 4 của khung 6 bậc;

+ Trình độ C1 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 5 của khung 6 bậc;

+ Trình độ C2 theo Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT tương đương bậc 6 của khung 6 bậc;

- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đã cấp, được công nhận và còn thời hạn sử dụng có giá trị thay thế trình độ A2, B1, B2, C1, C2 theo bảng quy chuẩn trình độ tại mục 4, Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02/12/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chương trình giáo dục thường xuyên về tiếng Anh thực hành;

2. Chứng chỉ tin học

Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin).

3. Trường hợp người dự tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

4. Miễn phân thi ngoại ngữ, tin học

* Miễn phân thi ngoại ngữ đối với các trường hợp:

Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

Có chứng chỉ tiếng dân tộc thiểu số hoặc là người dân tộc thiểu số dự tuyển vào viên chức công tác ở vùng dân tộc thiểu số.

* Miễn phân thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp trở lên các chuyên ngành liên quan đến tin học, công nghệ thông tin.

IV. THÔNG TIN VỀ QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (nếu có)

Từ ngày, tháng, năm đến ngày, tháng, năm	Cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác

V. MIỄN THI NGOẠI NGỮ, TIN HỌC

(Thí sinh thuộc diện miễn thi ngoại ngữ, tin học cần ghi rõ lý do miễn thi ở mục này)

Miễn thi ngoại ngữ do:

Miễn thi tin học do:

VI. ĐĂNG KÝ DỰ THI MÔN NGOẠI NGỮ

(Thí sinh lựa chọn và ghi rõ đăng ký thi một trong năm thứ tiếng: Anh, Pháp, Nga, Trung Quốc, Đức hoặc ngoại ngữ khác theo yêu cầu của vị trí việc làm tại Thông báo tuyển dụng. Thí sinh được miễn thi môn ngoại ngữ không phải điền thông tin ở mục này).

Đăng ký dự thi ngoại ngữ:

VII. ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN (nếu có ghi chính xác thuộc đối tượng ưu tiên nào)

.....
.....

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật từ những giấy tờ, văn bằng, chứng chỉ bản gốc đã được cơ quan có thẩm quyền cấp. Sau khi nhận được thông báo trúng tuyển tôi sẽ hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu sai sự thật thì kết quả tuyển dụng của tôi sẽ bị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng hủy bỏ, tôi sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật và cam kết không đăng ký tham gia kỳ tuyển dụng kế tiếp tại cơ quan tuyển dụng./.

NGƯỜI VIẾT PHIẾU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Ghi đúng vị trí việc làm đăng ký dự tuyển;
- (2) Ghi đúng tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có chi tiêu tuyển dụng;
- (3) Người viết phiếu tích dấu X vào ô tương ứng ô Nam, Nữ.

UBND QUẬN LONG BIÊN

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2020
KHỐI MẦM NON

(Kèm theo Kế hoạch số 454 /KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND quận Long Biên)

TT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	CHỈ TIÊU GIÁO VIÊN ĐỨNG LỚP (Giáo viên mầm non hạng IV, mã V.07.02.06)
	TỔNG	135	135
1	Ánh Sao	4	4
2	Bắc Biên	9	9
3	Bắc Cầu	4	4
4	Bồ Đề	5	5
5	Chim Én	4	4
6	Cự Khố	3	3
7	Đức Giang	0	0
8	Gia Quát	4	4
9	Gia Thượng	10	10
10	Gia Thụy	0	0
11	Giang Biên	8	8
12	Hoa Mai	1	1
13	Hoa Phượng	2	2
14	Hoa Sen	2	2
15	Hoa Sữa	1	1
16	Hoa Thủy Tiên	3	3
17	Hồng Tiến	9	9
18	Long Biên	7	7
19	Long Biên A	5	5
20	Ngọc Thụy	5	5
21	Phúc Đồng	5	5
22	Phúc Lợi	4	4
23	Sơn Ca	0	0
24	Tân Mai	2	2
25	Thạch Bàn	4	4
26	Thạch Cầu	7	7
27	Thượng Thanh	2	2
28	Tràng An	12	12
29	Tuổi Hoa	0	0
30	Việt Hưng	4	4
31	ĐT Việt Hưng	6	6
32	ĐT Sài Đồng	3	3

UBND QUẬN LONG BIÊN

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIỆN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2020

KHỐI TIÊU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số **454** /KH-UBND ngày **25** / **12**2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu giáo viên đứng lớp (Giáo viên Tiểu học, mã số V.07.03.09)							Chỉ tiêu nhân viên		
			Tổng chỉ tiêu giáo viên	Văn hóa	Âm nhạc	Mỹ thuật	Tiếng Anh	Thẻ chất	Tin học	Tổng chỉ tiêu nhân viên	Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Văn thư mã số 02.008
	TỔNG	78	71	48	6	4	1	10	2	7	4	3
1	Gia Thụy	1	1	1						0		
2	Ngọc Thụy	0	0							0		
3	Việt Hưng	5	5	3			1	1		0		
4	Ngọc Lâm	0	0							0		
5	Ái Mộ B	2	2	2						0		
6	Long Biên	4	4	3				1		1		1
7	Sài Đồng	1	1	1						0		
8	ĐT Việt Hưng	5	5	4					1	0		
9	Ngô Gia Tự	3	3	2				1		0		
10	Thượng Thanh	4	4	3			1			1		
11	Đức Giang	1	1	1						0		
12	Phúc Lợi	6	6	5	2			1		1		1
13	Vũ Xuân Thiều	2	2	1		1		1		1		1
14	Đoàn Kết	4	4	1			1	1		0		
15	Cự Khói	1	1	6						0		
16	Gia Thượng	6	6	3						0		
17	Thanh Am	4	4	3				1		0		
18	Ái Mộ A	2	2	1				1		0		
19	Bồ Đề	5	5	5						0		
20	Thạch Bàn A	5	5	4				1		0		
21	Giang Biên	2	2	1			1			0		
22	Phúc Đồng	2	2	2				1	1	0		
23	Thạch Bàn B	2	2	1				1		1	1	
24	Lý Thường Kiệt	5	5	4				1		1	1	
25	Gia Quất	0	0	3						0		
26	PTCS Hy vọng	4	4	3						1	1	
27	ĐT Sài Đồng	2	2	2						0		

UBND QUẬN LONG BIÊN

CHỈ TIÊU TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NGÀNH GIÁO DỤC NĂM 2020
KHỐI THCS

(Kèm theo Kế hoạch số 454 /KH-UBND ngày 25/12/2020 của UBND quận Long Biên)

STT	Trường	Tổng chỉ tiêu tuyển dụng	Chỉ tiêu tuyển giáo viên các bộ môn (Giáo viên THCS, mã số V.07.04.12)														Tổng nhân viên	Chỉ tiêu nhân viên				
			Tổng giáo viên	Chia ra														Công tác Thư viện (V.10.02.07)	Văn Thư (mã số 02.008)			
				Văn	Sử	Địa	Tiếng Anh	GDCD	Toán	Lý	Hóa	sinh	Tin	KTCN	KTNN	GD thể chất				Âm nhạc	Mỹ thuật	
TỔNG		102	91	9	7	4	10	9	9	5	0	11	1	10	0	10	1	5	11	6	5	
1	Sài Đồng	0	0																0			
2	Ngọc Thụy	0	0																0			
3	Gia Thụy	3	3					1					1		1				0			
4	Ái Mộ	6	5	1	1	1						1	1						1	1		
5	Thạch Bàn	5	5	1								1			2		1		0			
6	Ngọc Lâm	4	4				1					1	1		1				0			
7	Long Biên	9	9	2	2		1	1	1						2				0			
8	Thượng Thanh	8	7	1	1		2	2					1						1		1	
9	ĐT Việt Hưng	6	6				1	1		1		2			1				0			
10	Ngô Gia Tự	6	5				1	1				1				1	1		1	1		
11	Đức Giang	4	4				1		1	1			1						0			
12	Phúc Lợi	5	5			1		1				1	1		1				0			
13	Thanh Am	10	10	2		1	2	1	1	1			1				1		0			
14	Việt Hưng	7	7		1			2	1	1		1	1						0			
15	Cự Khối	6	5		1	1						1	1				1		1	1		
16	Giang Biên	7	6				1		2			1	1		1				1		1	
17	Bồ Đề	3	3		1							1			1				0			
18	Phúc Đồng	5	5	2				1					1				1		0			
19	Chu Văn An	2	0																2	1	1	
20	Nguyễn Bình Khiêm	3	1					1											2	1	1	
21	Lý Thường Kiệt	3	1							1									2	1	1	

